

Bản án số: 49/2021/KDTM-ST;
Ngày: 23/12/2021;
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuần.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thịnh, cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2020/TLST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 493/2021/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 549/2021/QĐST-KDTM ngày 30/11/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP N.**

Địa chỉ: 89 LJ, phường LJ, quận HH, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D.

Đại diện ủy quyền: Ông Đỗ Thành T (theo giấy ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP N).

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Viết T và ông Ma Khắc K.

Địa chỉ: Tầng 1, số 96 TV, Phường L, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền số 7405/2021/UQ-PGD ngày 12/11/2021 của ông Đỗ Thành Trung).

(Có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* **Công ty TNHH K**

Địa chỉ: 13/3, đường THM, khu phố L, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: F902, Chung cư S K, đường CN13-DC8-DC13, phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Phúc T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: F902, Chung cư SK, đường CN13-DC8-DC13, phường SK, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP N do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH K đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng cho vay số: DSA/GVP/17/0119/HDTD và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 30/05/2017; Hợp đồng cho vay hạn mức số: MBD/GVP/18/0065/HDHM và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 29/05/2018 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 15/06/2017 với các nội dung tóm tắt như sau:

Theo Khế ước nhận nợ lần 01 số: DSA/GVP/17/0119/HDTD ngày 31/05/2017, số tiền vay là 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất/năm tại thời điểm giải ngân là 18.5%/năm điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, ngày giải ngân là 31/5/2017, ngày đến hạn 30/5/2020, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thương mại sắt thép.

Theo khế ước nhận nợ lần 1 số MBD/GVP/18/0065/HDHM ngày 29/05/2018, số tiền vay 900.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất/năm tại thời điểm giải ngân là 15.3%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, ngày giải ngân là 29/5/2018, ngày đến hạn 29/5/2019, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thương mại sắt thép.

Theo khế ước nhận nợ lần 02 số: MBD/GVP/18/0065/HDHM - 02 ngày 11/01/2019, số tiền vay 525.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất/năm tại thời điểm giải ngân là 16.9%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, ngày giải ngân là 11/01/2019, ngày đến hạn là 11/01/2020, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thương mại sắt thép.

Theo giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 15/06/2017, số tiền vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, ngày giải ngân là ngày 15/6/2017, ngày đến hạn là 15/6/2022, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thương mại sắt thép.

Các khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Phúc T theo các Hợp đồng bảo lãnh số: DSA/GVP/17/0119/HDBL ngày 30/5/2017, Hợp đồng bảo lãnh số DSA/GVP/17/0119/HDBL ngày 13 tháng 6 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0065/HDBL ngày 29 tháng 05 năm 2018.

Công ty TNHH K đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công ty TNHH K để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH K cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tính đến ngày 23/12/2021, số tiền nợ vay của bị đơn là 4.082.965.989 đồng, trong đó nợ gốc: 2.047.440.240 đồng, lãi còn phải trả 1.926.409.513 đồng, lãi chậm trả: 109.116.236 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 12 giải quyết buộc:

1. Công ty TNHH K phải trả ngay một lần cho V và trình bày số tiền nợ vay của bị đơn đến ngày xét xử ngày 23/12/2021 là 4.082.965.989 đồng, trong đó nợ gốc: 2.047.440.240 đồng, lãi còn phải trả 1.926.409.513 đồng, lãi chậm trả: 109.116.236 đồng.

Ngoài ra, Công ty TNHH K vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho ngân hàng.

2. Trường hợp Công ty TNHH K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên, bên bảo lãnh là ông Nguyễn Phúc T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh số: DSA/GVP/17/0119/HDBL ngày 30/5/2017, Hợp đồng bảo lãnh số DSA/GVP/17/0119/HDBL ngày 13 tháng 6 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0065/HDBL ngày 29 tháng 05 năm 2018 đã ký.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về số tiền cho vay mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn. Đây là quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có trụ sở tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Ngân hàng TMCP N và công ty TNHH MTV K có ký kết với nhau hợp đồng cho vay số DSA/GVP/17/0119/HDTD và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 30/05/2017, hợp đồng cho vay hạn mức số: MBD/GVP/18/0065/HDHM và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 29/05/2018; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 15/06/2017.

Theo hợp đồng cho vay số DSA/GVP/17/0119/HDTD và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 30/5/2017 thì ngân hàng cho bị đơn vay số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 36 tháng, mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thương mại sắt thép.

Ngày 30/5/2017 và ngày 13/6/2017 ông Nguyễn Phúc T và Ngân hàng TMCP N ký kết hợp đồng bảo lãnh số DSA/GVP/17/0119/HĐBL theo đó ông Thịnh đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên bảo lãnh đối với ngân hàng theo hợp đồng cho vay số DSA/GVP/17/0119/HDTD và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 30/5/2017.

Để thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 31/5/2017 hai bên ký kết khế ước nhận nợ lần 01 số: DSA/GVP/17/0119/HDTD ngày 31/05/2017, theo đó số tiền ngân hàng cho công ty vay là 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất/năm tại thời điểm giải ngân là 18.5%/năm điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, ngày giải ngân là 31/5/2017, ngày đến hạn 30/5/2020. Khế ước nhận

nợ này có đầy đủ chữ ký và đóng dấu của đại diện bên cho vay là Ngân hàng TMCP N và đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Phúc T – chức vụ: Giám đốc.

Ngày 15/6/2017 Công ty TNHH MTV K có đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Phúc T ký giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo. Nội dung thể hiện ngân hàng cho công ty vay số tiền là 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, ngày giải ngân là ngày 15/6/2017, ngày đến hạn là 15/6/2022, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thương mại sắt thép.

Đến ngày 29/5/2018 hai bên tiếp tục ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/GVP/18/0065/HDHM và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 29/05/2018, theo nội dung hợp đồng thì ngân hàng cho công ty vay số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh thương mại sắt thép.

Để thực hiện hợp đồng tín dụng này, ngày 29/5/2018 ngân hàng và công ty ký kết khế ước nhận nợ số MBD/GVP/18/0065/HDHM ngày 29/05/2018, theo nội dung khế ước nhận nợ thể hiện ngân hàng cho công ty vay số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất/năm tại thời điểm giải ngân là 16.9%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, ngày giải ngân là 11/01/2019, ngày đến hạn là 11/01/2020, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thương mại sắt thép.

Cùng ngày 29/5/2018 ông Nguyễn Phúc T ký hợp đồng bảo lãnh số MBD/GVP/18/0065/HĐBL với ngân hàng, nội dung ông Thịnh đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên bảo lãnh đối với ngân hàng theo hợp đồng cho vay số MBD/GVP/18/0065/HDHM và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 29/05/2018.

Đến ngày 11/01/2019 hai bên ký khế ước nhận nợ lần 02 số: MBD/GVP/18/0065/HDHM - 02 ngày 11/01/2019. Nội dung là ngân hàng cho công ty vay số tiền vay 525.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất/năm tại thời điểm giải ngân là 16.9%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, ngày giải ngân là 11/01/2019, ngày đến hạn là 11/01/2020, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thương mại sắt thép.

Theo nguyên đơn trình bày trong quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ bị đơn và người bảo lãnh là ông Nguyễn Phúc T đề yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn và người bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Căn cứ Bảng kê các khoản nợ gốc và lãi phát sinh của bị đơn đến ngày xét xử do ngân hàng cung cấp thể hiện đến ngày 23/12/2021 số tiền công ty còn nợ ngân hàng gồm: Nợ gốc: 2.047.440.240 đồng, nợ lãi: 1.926.409.513 đồng, lãi chậm trả: 109.116.236 đồng. Tổng cộng là 4.082.965.989 (bốn tỷ, không trăm

tám mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi chín) đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn Công ty Đại Thịnh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Phúc T đến làm việc nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cùng các tài liệu nguyên đơn cung cấp, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán ngay khi án có hiệu lực pháp luật số tiền tạm tính đến ngày 23/12/2021 là 4.082.965.989 đồng (bốn tỷ, không trăm tám mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi chín) đồng.

Buộc Công ty TNHH K thanh toán cho Ngân hàng TMCP N tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 24/12/2021 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, các khế ước nhận nợ và giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Xét thấy, tại các hợp đồng bảo lãnh số: DSA/GVP/17/0119/HDBL ngày 30/5/2017, Hợp đồng bảo lãnh số DSA/GVP/17/0119/HDBL ngày 13 tháng 6 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0065/HDBL ngày 29 tháng 05 năm 2018 ông Nguyễn Phúc T đồng ý bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán tiền vay mà Công ty Đại Thịnh phải thực hiện với ngân hàng, trường hợp Công ty Đại Thịnh không thể thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay theo các Hợp đồng, ông Thịnh cam kết sẽ thực hiện các nghĩa vụ này thay cho Công ty Đại Thịnh. Việc bảo lãnh này là vô điều kiện và không hủy ngang. Căn cứ Điều 335, 336, 342 Bộ luật dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Phúc T thanh toán cho nguyên đơn số nợ của Công ty Đại Thịnh trong trường hợp Công ty Đại Thịnh không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về kinh doanh thương mại.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo đơn khởi kiện là 42.406.498 (bốn mươi hai triệu, bốn trăm lẻ sáu ngàn, bốn trăm chín mươi tám) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0105806 ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 335, 336, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc Công ty TNHH K phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính tới ngày 23/12/2021 là 4.082.965.989 đồng (bốn tỷ, không trăm tám mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi chín) đồng trong đó: Nợ gốc: 2.047.440.240 đồng, nợ lãi: 1.926.409.513 đồng, lãi chậm trả: 109.116.236 đồng. Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành. Các bên tự nguyện giao nhận hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Buộc Công ty TNHH K thanh toán cho Ngân hàng TMCP N tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 24/12/2021 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng, phụ lục hợp đồng, các khế ước nhận nợ và giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

3. Trường hợp Công ty TNHH K không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên thì buộc ông Nguyễn Phúc T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP N cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ theo các Hợp đồng bảo lãnh số: DSA/GVP/17/0119/HDBL ngày 30/5/2017, Hợp đồng bảo lãnh số DSA/GVP/17/0119/HDBL ngày 13 tháng 6 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0065/HDBL ngày 29 tháng 05 năm 2018 đã ký.

4. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.082.966 (một trăm mười hai triệu, không trăm tám mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi sáu) đồng. Nộp ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo đơn khởi kiện là 42.406.498 (bốn mươi hai triệu, bốn trăm lẻ sáu ngàn, bốn trăm chín mươi tám) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0105806 ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Hương

